

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 01 - 2024

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Minh Nhựt**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Lê Đức Lam**;

2/ Bà **Bơ Nah Ria Ro Da Huy**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Mỹ Dung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa:

Bà **Phan Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 322/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị N**, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Thôn TH, xã LX, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng

Bị đơn: Ông **Lê Mạnh T**, sinh năm: 1973; Địa chỉ: Thôn TX, xã LX, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình hòa giải nguyên đơn bà **Lê Thị N** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông **Lê Mạnh T** yêu thương tự nguyện kết hôn chung sống cùng nhau, hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2012 sau đó đến năm 2015 mới về xã TT, huyện TM, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn vào ngày 14/4/2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì mâu thuẫn do ông T có tính gia trưởng thường xuyên chửi bới, đánh đập bà. Nhưng vì các con còn nhỏ nên bà cố gắng chịu đựng để sống nuôi con. Đến ngày 19/10/2023 do ông T cần vay tiền mà bà không biết vay làm gì nên bà không đồng ý ký vay ông T đánh đuổi và vứt quần áo bà ra khỏi nhà. Từ hôm đó bà đến nhà anh trai sinh sống đến hôm nay. Bà thấy ông T

không tôn trọng và luôn tìm cách hành hạ, nhục mạ bà và tình cảm đã hết bà yêu cầu ly hôn ông Lê Mạnh T.

Về con chung: Bà N xác nhận trong thời gian bà và ông T kết hôn có 02 con chung cháu Lê Thảo N, sinh ngày 30/3/2012; cháu Lê Tuấn A, sinh ngày: 09/3/2014.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N yêu cầu tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình hòa giải bị đơn ông Lê Mạnh T trình bày:

Tôi xác nhận lời khai của bà N về thời gian vợ chồng chung sống kết hôn là đúng. Ngày 19/10/2023 do tôi bức xúc việc mua quà cáp về quê với bà N nên có nóng giận đánh bà N và có vứt đồ bà N. Nhưng tôi vẫn yêu thương vợ con và biết lỗi của mình mong bà N suy nghĩ quay về cùng nuôi dạy con cái. Tôi sẽ sửa đổi lỗi lầm của mình. Từ ngày bà N ra ở riêng trên nhà anh ruột bà N tôi do có mâu thuẫn với anh trai bà N nên không đến nhà, chúng tôi không nói chuyện được với nhau. Nhưng bản thân tôi vì suy nghĩ đến các con nên không đồng ý ly hôn với bà N.

Tại các buổi hòa giải ông T cương quyết không đồng ý ly hôn vì cho rằng ly hôn ảnh hưởng đến các con vì vậy các buổi hòa giải thuận tình ly hôn không thành, bà N vẫn cương quyết ly hôn nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập một số người làm chứng là người làm công lâu năm cho ông T bà N, cũng như anh trai chị dâu bà N để làm rõ mâu thuẫn gia đình ông T bà N thì những người làm chứng hầu hết trình bày ông T là người gia trưởng, thường xuyên có những hành động nhục mạ bà N, bà N là người chân chất chỉ biết làm quần quật cả ngày không bao giờ được nghỉ ngơi. Sau ngày bị ông T đánh thì bà N về nhà anh trai sinh sống đến nay, ông T không thăm hỏi lui tới.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, ông Lê Mạnh T vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Lê Thị N và ông Lê Mạnh T được ly hôn. Về con chung: đề nghị chấp nhận sự thỏa thuận của bà N và ông T giao cháu Lê Thảo N, sinh ngày 30/3/2012 cho bà N nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Lê Tuấn A sinh ngày: 09/3/2014 cho ông T nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản chung và nợ chung: bà N, ông T xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Ý kiến của kiểm sát viên, nguyên đơn, bị đơn; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là tranh chấp về ly hôn giữa bà Lê Thị N và ông Lê Mạnh T. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã LX, huyện DD, tỉnh Lâm Đồng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà N và ông T có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 14/4/2015 tại xã TT, huyện TM, tỉnh Hải Dương, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối, thời điểm đăng ký kết hôn cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp.

Tại phiên tòa bà Lê Thị N khẳng định cuộc sống hôn nhân của vợ chồng bà không hạnh phúc, bản thân bà luôn là người chịu đựng tính gia trưởng của ông T. Bao nhiêu năm qua vì nghĩ đến các con còn nhỏ nên bà đã cố gắng sống cùng ông tưởng để nuôi dạy con nhưng ông T ngày càng quá đáng luôn nhục mạ coi thường bà. Đến nay tình cảm của bà đã hết bà cương quyết xin Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Tại phiên tòa ông Lê Mạnh T cho rằng còn yêu thương bà N ông biết lỗi của mình mong bà N suy nghĩ quay về cùng nuôi dạy con cái ông sẽ sửa đổi lỗi lầm của mình không muốn ly hôn vì sẽ ảnh hưởng đến các con.

Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị N và ông Lê Mạnh T đều thừa nhận có việc mâu thuẫn vợ chồng và việc sống ly thân, cũng như một phần nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn. Bản thân ông T cũng thừa nhận đánh bà N và vứt đồ đạc bà N ra khỏi nhà nhưng ông vẫn còn yêu thương bà N không đồng ý ly hôn. Xét mặc dù bản thân ông T vẫn còn tình cảm yêu thương bà N nhưng bà N không còn tình cảm, cương quyết ly hôn và qua xác minh của một số người làm chứng thể hiện việc vợ chồng ông T bà N không hòa hợp, mâu thuẫn đã lâu, nhiều lần xảy ra xô xát, hiện nay vợ chồng ly thân mặc ai nấy sống. Như vậy hôn nhân giữa bà N và ông T mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N, cho bà N và ông T được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà N, ông T xác nhận có 02 con chung cháu Lê Thảo N, sinh ngày 30/3/2012; cháu Lê Tuấn A, sinh ngày: 09/3/2014. Khi ly hôn bà N đồng ý giao cháu Tuấn A cho ông T nuôi dưỡng, giáo dục; bà nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thảo N. Ông T đồng ý giao cháu Thảo N cho bà N nuôi dưỡng, ông nuôi cháu Tuấn A không ai cấp dưỡng nuôi con chung. Cần ghi nhận sự thỏa thuận này.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N, ông T xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn không phải bồi tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị N đối với bị đơn ông Lê Mạnh T.

Cho bà Lê Thị N và ông Lê Mạnh T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thảo N, sinh ngày 30/3/2012 cho bà Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Lê Tuấn A, sinh ngày: 09/3/2014 cho ông Lê Mạnh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Lê Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ bà N đã nộp theo biên lai thu số 0002289 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Ông Lê Mạnh T không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị N, ông Lê Mạnh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện ĐD;
- THA dân sự huyện ĐD;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Minh Nhựt

